

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2024

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và ông Trần Ngọc Luân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

-Bị đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, anh Nguyễn Minh Đ là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Hoàng Thị N kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2000 tại ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, sống không còn tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 10/2015, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sống. Vợ chồng sống ly thân mỗi người

một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng.

Tại bản tự khai đề ngày 19 tháng 6 năm 2014, chị Hoàng Thị N là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh Đ đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi cờ bạc, nợ nần. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Đ và chị N thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/4/2001 và cháu Nguyễn Thị Phương O, sinh ngày 21/9/2005. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Khi ly hôn anh Đ, chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị N trình bày vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó chị N có đơn xin rút lại lời trình bày về việc giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Anh Đ, chị N đều trình bày không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Minh Đ và chị Hoàng Thị N. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Hoàng Thị N là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Nguyễn Minh Đ là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Hoàng Thị N kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2000 tại ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm đến đầu năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 10/2015 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sống. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ xin ly hôn chị N đồng ý. Tại phiên tòa chị N không đồng ý ly hôn. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời thừa nhận của các đương sự thấy, vợ chồng anh Đ và chị N đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau đã nhiều năm nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó anh Đ xin ly hôn chị N là căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/4/2001 và cháu Nguyễn Thị Phương O, sinh ngày 21/9/2005, các cháu đã đủ 18 tuổi, lao động tự lập. Khi ly hôn anh Đ, chị N không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng chị không kê khai, không viết đơn yêu cầu mặc dù đã được Tòa án hướng dẫn và giải thích. Đến ngày 02/8/2024 chị N có đơn xin rút lời trình bày về việc giải quyết chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị N yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị là có căn cứ hợp pháp nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Minh Đ và chị Hoàng Thị N.

2. Án phí: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000147 ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Đ đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết,.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Nguyệt**